TOÁN 2 - PHIẾU ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ I

Chuyên đề: Các số trong Phạm vi 100, Tia số, số liền trước, liền sau; Các thành phần của phép cộng, phép trừ; Cộng/ trừ trong PV 20.

Họ và tên học sinh: .....

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM (KHOANH TRÒN VÀO CHỮ CÁI ĐẶT TRƯỚC CÂU TRẢ LỜI

ĐÚNG)

Câu 1. Số gồm 7 chục và 4 đơn vị viết là:

A. 47 B. 74 C. 704 D. 70

Câu 2. Số lớn nhất có hai chữ số khác nhau là:

A. 99 B. 98 C. 89 D. 90

Câu 3. Số liền trước của số 60 là số nào?

A. 59 B. 61 C. 50 D. 70

Câu 4. Số liền sau của số 89 là số nào?

A. 88 B. 91 C. 90 D. 80

Câu 5. Trên tia số, điểm đứng ngay liền trước điểm 45 là:

A. 44 B. 46 C. 40 D. 55

Câu 6. Trong phép tính 32 + 25 = 57, số 25 được gọi là:

A. Số hạng B. Tổng C. Số bị trừ D. Hiệu

Câu 7. Trong phép tính 86 − 34 = 52, số 52 được gọi là:

A. Số bị trừ B. Số trừ C. Hiệu D. Số hạng

Câu 8. Kết quả của phép cộng qua 10: 9 + 5 bằng bao nhiêu?

A. 13 B. 14 C. 15 D. 16

Câu 9. Kết quả của phép tính: 8 + 7 là:

A. 14 B. 15 C. 16 D. 17

Câu 10. Kết quả của phép tính trừ qua 10: 13 − 6 là:

A. 6 B. 7 C. 8 D. 9

Câu 11. Kết quả của phép tính: 16 − 9 là:

A. 7 B. 8 C. 9 D. 6

Câu 12. Điền dấu thích hợp vào chỗ chấm: 9 + 6 ..... 8 + 8

A. > B. < C. = D. Không so sánh được

Câu 13. Dãy số nào dưới đây được sắp xếp theo thứ tự từ bé đến lớn?

A. 28; 45; 39; 67 B. 19; 34; 58; 72

C. 85; 63; 41; 20 D. 42; 56; 51; 80

Câu 14. Cho biết tổng của hai số là 17, một số hạng là 9. Số hạng còn lại là:

A. 7 B. 8 C. 9 D. 10

Câu 15. Số bị trừ là 14, số trừ là 5. Hiệu của hai số là:

A. 8 B. 9 C. 10 D. 11

Câu 16. Trong các phép tính sau, phép tính nào có kết quả nhỏ nhất?

A. 15 − 8 B. 11 − 5 C. 14 − 9 D. 12 − 8

Câu 17. Số liền trước của số bé nhất có hai chữ số là:

A. 11 B. 10 C. 9 D. 8

Câu 18. Một bến xe có 15 ô tô. Sau đó có 7 ô tô rời bến. Hỏi bến xe còn lại bao nhiêu ô tô?

A. 7 ô tô B. 8 ô tô C. 9 ô tô D. 10 ô tô

PHẦN II. TỰ LUẬN (HỌC SINH TRÌNH BÀY LỜI GIẢI CHI TIẾT)

Câu 19. Viết các số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Số liền trước của 79 là: b) Số liền sau của 99 là:

c) Số ở giữa 48 và 50 là: d) Số liền trước của 1 là:

Câu 20. Viết số vào ô trống trên tia số:



Câu 21. Nối tên gọi thành phần đúng với mỗi phép tính:

45 + 23 = 68	Hiệu
79 − 16 = 63	Số hạng
90 − 50 = 40	Số trừ
24 + 15 = 39	Tổng

(nối)

Câu 22. Tính nhẩm:

9 + 4 = ... 8 + 6 = ... 7 + 7 = ... 6 + 8 = ...

14 − 7 = ... 12 − 5 = ... 11 − 8 = ... 15 − 9 = ...

Câu 23. Đặt tính rồi tính:

35 + 24	68 − 42	51 + 37	97 − 65
.....	.....	.....	.....
.....	.....	.....	.....
.....	.....	.....	.....

Câu 24. Tính giá trị của biểu thức:

a) 9 + 4 − 5 = ... b) 17 − 8 + 6 = ...

Câu 25. Điền số thích hợp vào chỗ trống:

a) 8 + [ ] = 15 b) [ ] − 7 = 6

c) 14 − [ ] = 8 d) [ ] + 9 = 17

Câu 26. Điền dấu (>, <, =) thích hợp vào chỗ chấm:

a) 9 + 7 ..... 16 b) 13 − 5 ..... 14 − 7 c) 8 + 5 ..... 7 + 8

Câu 27. Cho các số: 62, 26, 75, 49, 90.

a) Viết các số theo thứ tự từ bé đến lớn: .....

b) Viết các số theo thứ tự từ lớn đến bé: .....

Câu 28. Tổ Một gấp được 9 ngôi sao, tổ Hai gấp được 8 ngôi sao. Hỏi cả hai tổ gấp được tất cả bao nhiêu ngôi sao?

Bài giải:

.....

.....

.....

Câu 29. Một cửa hàng buổi sáng có 16 thùng sữa, buổi chiều bán được 7 thùng sữa. Hỏi cửa hàng còn lại bao nhiêu thùng sữa?

Bài giải:

.....

.....

.....

Câu 30. (Bài toán nâng cao): Tìm một số biết rằng lấy số đó cộng với 7 rồi trừ đi 5 thì được kết quả bằng 11.

Bài giải:

.....

.....

